

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: HSC./XNK-TCKT

(V/v giải trình lợi nhuận 06 tháng 2022 so với
06 tháng 2021 đã kiểm toán – giải trình chênh
lệch trước và sau kiểm toán)

An Giang, ngày 26 tháng 08 năm 2022

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.**

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang xin giải trình về việc chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN 06 tháng năm 2022 như sau:

I. Giải trình lợi nhuận 06 tháng 2022 so với 06 tháng 2021 đã kiểm toán:

1. Đối với BCTC riêng lẻ:

Trong 06 tháng năm 2022, Công ty đẩy mạnh bán hàng xuất khẩu, ký kết các hợp đồng mới và tăng sản lượng tiêu thụ cung ứng xuất khẩu đã làm cho doanh thu trên BCTC riêng 06 tháng của Angimex tăng 1.702.184 triệu đồng, tương ứng 415,4% so với cùng kỳ, lãi gộp chỉ tăng 83.726 triệu đồng tương đương 652,4% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, do chi phí bán hàng logistic tăng mạnh làm ảnh hưởng đến hiệu quả công ty. Đồng thời, công ty trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán 27.500 triệu đồng. Đây là những nguyên nhân chủ yếu làm kết quả kinh doanh 06 tháng năm 2022 lỗ.

2. Đối với BCTC hợp nhất:

Tương tự báo cáo riêng, khoản trích lập dự phòng là nguyên nhân chủ yếu làm lợi nhuận sau thuế lỗ 6.164 triệu đồng.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	BCTC riêng				BCTC Hợp nhất			
	Lũy kế 06T/2022	Lũy kế 06T/2021	Chênh lệch	%	Lũy kế 06T/2022	Lũy kế 06T/2021	Chênh lệch	%
Doanh thu thuần BH và CCDV	2.111.934	409.750	1.702.184	415,4	2.381.341	1.036.132	1.345.210	129,8
Giá vốn hàng bán	2.015.376	396.917	1.618.458	407,8	2.252.438	960.069	1.292.369	134,6
Lợi nhuận gộp	96.558	12.833	83.726	652,4	128.903	76.063	52.841	69,5
Doanh thu hoạt động tài chính	38.619	5.325	33.294	625,2	62.997	3.308	59.689	1.804,4
Chi phí tài chính	66.696	4.133	62.563	1.513,6	71.139	7.425	63.714	858,1
<i>Trong đó: lãi vay</i>	24.771	3.975	20.796	523,2	28.969	7.140	21.828	305,7
Phần lãi lỗ trong Cty LDLK					3.365	664	2.701	406,8
Chi phí bán hàng	86.981	1.787	85.193	4.766,8	115.310	43.631	71.679	164,3
Chi phí quản lý DN	15.112	7.356	7.756	105,4	19.349	12.704	6.645	52,3
Lợi nhuận từ hoạt động KD	(33.612)	4.881	(38.493)	(788,6)	(10.532)	16.275	(26.807)	(164,7)
Lợi nhuận khác	4.200	281	3.919	1.394,3	4.837	1.079	3.758	348,2
Tổng lợi nhuận trước thuế	(29.412)	5.162	(34.575)	(669,7)	(5.695)	17.354	(23.049)	(132,8)
Thuế TNDN	180	895	(715)	(79,9)	469	3.406	(2.937)	(86,2)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(29.592)	4.268	(33.860)	(793,4)	(6.164)	13.948	(20.112)	(144,2)

II. Giải trình chênh lệch KQKD 06 tháng 2022 trước và sau kiểm toán:

1. Đối với BCTC riêng lẻ:

Lợi nhuận 06 tháng năm 2022 chênh lệch trước và sau kiểm toán giảm thêm 5.506 triệu đồng là do Công ty trích trước chi phí lãi vay trái phiếu phải trả đến 30.06.2022 vào chi phí tài chính.

2. Đối với BCTC hợp nhất:

Tương tự báo cáo riêng, Công ty ghi nhận thêm khoản trích trước chi phí lãi vay trái phiếu phải trả đến 30.06.2022 vào chi phí tài chính và hợp nhất lãi lỗ của Công ty liên doanh liên kết đã làm kết quả kinh doanh 06 tháng năm 2022 lỗ thêm 6.332 triệu đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	BCTC 06T/2022 riêng				BCTC 06T/2022 Hợp nhất			
	Trước kiểm toán	Đã kiểm toán	Chênh lệch	%	Trước kiểm toán	Đã kiểm toán	Chênh lệch	%
Doanh thu thuần BH và CCDV	2.111.934	2.111.934	-	-	2.381.341	2.381.341	-	-
Giá vốn hàng bán	2.015.376	2.015.376	-	-	2.248.532	2.252.438	3.905	0,2
Lợi nhuận gộp	96.558	96.558	-	-	132.809	128.903	(3.905)	(2,9)
Doanh thu hoạt động tài chính	46.175	38.619	(7.557)	(16,4)	71.641	62.997	(8.645)	(12,1)
Chi phí tài chính	68.747	66.696	(2.051)	(3,0)	73.190	71.139	(2.051)	(2,8)
<i>Trong đó: lãi vay</i>	21.359	24.771	3.412	16,0	25.750	28.969	3.219	12,5
Phần lãi lỗ trong Cty LDLK					3.104	3.365	262	8,4
Chi phí bán hàng	86.981	86.981	-	-	119.215	115.310	(3.905)	(3,3)
Chi phí quản lý DN	15.112	15.112	-	-	19.349	19.349	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động KD	(28.106)	(33.612)	(5.506)	19,6	-4.200	(10.532)	(6.332)	150,8
Lợi nhuận khác	4.200	4.200	-	-	4.837	4.837	-	-
Tổng lợi nhuận trước thuế	(23.906)	(29.412)	(5.506)	23,03	638	(5.695)	(6.332)	(993,3)
Thuế TNDN	180	180	-	-	469	469	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(24.086)	(29.592)	(5.506)	22,9	169	(6.164)	(6.332)	(3.752,1)

Kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh được biết.

Trân trọng kính chào./.



TỔNG GIÁM ĐỐC

HUỲNH THANH TÙNG

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, Thư ký HĐQT